

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VIỆT GLOBAL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VIỆT GLOBAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET GLOBAL MATERIALS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110807999

3. Ngày thành lập: 08/08/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 23, ngõ 32, Phố Sài Đồng, tổ 13, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983725558

Fax:

Email: ecogcarbon@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662(Chính)
2.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
7.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
8.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
9.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
10.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
11.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
12.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
13.	Sản xuất máy luyện kim	2823
14.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
15.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
16.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
17.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
21.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
22.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
23.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
24.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
25.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
26.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
27.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Trừ hoạt động của quán karaoke, quán bar, sàn nhảy, vũ trường)	5610
28.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
29.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
30.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
31.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
32.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
33.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
34.	Tái chế phế liệu	3830
35.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311
36.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
37.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
38.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy	4329
39.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
40.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
41.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
43.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	4620
44.	Bán buôn thực phẩm	4632
45.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

46.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
47.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4773
48.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô; (Điều 4, 5, 6, 7, 8 Nghị định số: 10/2020/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4932
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
51.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
52.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
53.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
54.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn tài chính)	6619
55.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Trang trí nội thất	7410
56.	Cho thuê xe có động cơ	7710
57.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
58.	Xây dựng nhà để ở	4101
59.	Xây dựng nhà không để ở	4102
60.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
61.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
62.	Xây dựng công trình điện	4221
63.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
64.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
65.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
66.	Xây dựng công trình thủy	4291
67.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292

